

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 01/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Thực hiện Công văn số 266-CV/BTGTU, ngày 17/02/2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW), Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Đặc điểm tình hình của huyện và công tác triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)

I. Đặc điểm, tình hình của huyện tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam

Đam Rông là huyện vùng núi, nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Lâm Đồng, thuộc vùng sâu, vùng xa của tỉnh; phía Tây Nam giáp huyện Lâm Hà; phía Đông và Đông Nam giáp huyện Lạc Dương; phía Tây giáp huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk; diện tích tự nhiên 87.255,83 ha, trong đó phần lớn là diện tích đất lâm nghiệp với 67.225,9 ha (chiếm 77%), địa hình đồi núi chiếm phần lớn. Dân số khoảng: 56.501 người, trong đó đồng bào DTTS chiếm 65,07%, với 08 đơn vị hành chính cấp xã. Học sinh là con em người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao việc tiếp thu phương pháp dạy học phát triển phẩm chất năng lực còn hạn chế. Cơ sở vật chất mặc dù đã được quan tâm đầu tư, tuy nhiên vẫn còn nhiều thiếu thốn, chưa đồng bộ.

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” diễn ra trong bối cảnh có nhiều yếu tố thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Đặc biệt là dịch bệnh Covid 19 đã gây nhiều trở ngại cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung và sự nghiệp giáo dục, đào tạo nói riêng. Xác định phát

triển giáo dục và đào tạo là chìa khóa để giúp Đam Rông nâng cao trình độ dân trí, xây dựng nguồn nhân lực để thực hiện công tác giảm nghèo góp phần phát triển trong hình hình mới. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện ngành giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết đề ra và đạt được những kết quả quan trọng.

II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết

Sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”, Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 11/2/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng. Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Huyện ủy Đam Rông về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; đồng thời chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng, Ủy Ban nhân dân huyện tổ chức xây dựng đề án, kế hoạch để phổ biến quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 11/2/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Huyện ủy.

2. Công tác tuyên truyền Nghị quyết

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức quán triệt cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong toàn huyện; đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng, các ngành, các đơn vị trên địa bàn huyện tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên các đơn vị trường học trên địa bàn huyện và tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân.

Nội dung tuyên truyền: Quán triệt sâu sắc, cụ thể các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong toàn huyện nội dung của Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tập trung triển khai kỹ 9 nhiệm vụ và 7 nhóm giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 11/2/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Huyện ủy Đam Rông về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Qua đó, vận dụng trong quá trình quản lý, giảng dạy trong ngành giáo dục và đào tạo, đưa các nội dung của Nghị quyết vào kế hoạch nhiệm vụ từng năm học và giai đoạn; phòng GD&ĐT, các đơn vị trường học cụ thể hóa các nhiệm vụ vào kế hoạch của đơn vị, đảm bảo sát với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị trong toàn huyện.

Cùng với việc tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết 29-NQ/TW và Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 11/2/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng trên các phương tiện thông tin, hệ thống truyền thanh từ huyện đến cơ sở. Chỉ đạo ngành Giáo dục huyện thực hiện lồng ghép việc học tập nghị quyết với bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng chính trị hè cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường học.

Từ đó nhận thức, trách nhiệm của đảng viên, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và nhân dân có sự chuyển biến tích cực, đã tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về sự nghiệp phát triển, đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo. Toàn ngành đã tạo được hướng đi mới: đó là sự đổi mới cách dạy, cách học, cách đánh giá học sinh trong mỗi nhà trường, mỗi thầy cô giáo và phụ huynh học sinh; chuyển từ nền giáo dục khép kín sang nền giáo dục mở.

3. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

Trước khi có Nghị quyết số 29-NQ/TW, Ban Thường vụ Huyện ủy đã quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) Thông báo kết luận số 242-TB/TW, ngày 15/4/2009 của Bộ Chính trị, tiếp tục phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020; ban hành Nghị quyết số 03-NQ/HU, ngày 17/2/2011 của Huyện ủy về nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương đến năm 2015 và những năm tiếp theo; Chỉ đạo UBND huyện ban hành Quyết định số 1180/QĐ-UBND, ngày 30/11/2011 của UBND huyện Đam Rông về việc ban hành Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2011 - 2015; Kế hoạch số 41/KH-UBND, ngày 12/6/2013 về việc thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 29/10/2012 Hội nghị lần thứ sáu (Khóa XI).

PHẦN THỨ HAI

Kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

I. Kết quả đạt được

1. Về nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Trên cơ sở Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 11/2/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) *“Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*; Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo UBND huyện xây dựng và ban hành 02 Đề án, 09 Kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ liên quan đến đổi mới căn

bản, toàn diện giáo dục và đào tạo¹; ngành Giáo dục huyện ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm các năm học, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cho các ngành học... thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp ủy đảng, ngành Giáo dục huyện đã xây dựng kế hoạch tập trung nguồn lực đầu tư, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chỉ đạo hoàn thành công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo tốt các điều kiện cho phát triển sự nghiệp giáo dục và các chính sách phát triển giáo dục.

Qua việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vai trò, vị trí của ngành giáo dục đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện và sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, các cấp ủy, chính quyền và ngành Giáo dục đã kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa Nghị quyết; các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục được đưa vào Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương từng giai đoạn, từng năm, từ đó đã tạo chuyển biến rõ nét trong công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Công tác kiểm tra, giám sát được các cấp ủy và ngành giáo dục nghiêm túc thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW tại các trường học. Chỉ đạo tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, đạt kết quả cao; công tác thi đua, khen thưởng được đổi mới, kịp thời động viên và nhân rộng các điển hình tiên tiến ngành giáo dục; tình trạng bệnh thành tích, hiện tượng lạm thu trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện chưa xảy ra.

Công tác xây dựng Đảng trong trường học được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, nhất là công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện. Đến nay, 100% các trường học đều có chi bộ độc lập;

¹ Kế hoạch số 54/KH-UBND, ngày 28/6/2014 về việc thực hiện Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy; Kế hoạch số 43/KH-UBND, ngày 03/4/2018 về việc xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2018 - 2020; Kế hoạch số 82/KH-UBND, ngày 27/5/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 103/KH-UBND, ngày 28/9/2018 về triển khai Kế hoạch số 66-KH/HU, ngày 03/8/2018 của Huyện ủy Đam Rông về việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2020 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 94/KH-UBND, ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đam Rông về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; Đề án số 01/ĐA-UBND, ngày 28/5/2021 về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 164/KH-UBND, ngày 01/11/2021 về việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Đam Rông; Kế hoạch số 154/KH-UBND, ngày 14/10/2021 về Triển khai Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn huyện Đam Rông; Quyết định số 1011/QĐ-UBND, ngày 17/6/2021 về việc ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 28/KH-UBND, ngày 12/3/2023 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn huyện Đam Rông năm 2021; Kế hoạch số 56/KH-UBND, ngày 13/3/2023 xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2023;

tổng số đảng viên trong toàn ngành là 500 chiếm tỉ lệ 45,2%, tăng 219 đảng viên so với năm 2013; các chi bộ đảng đã phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo các đơn vị trường học theo quy định.

Đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 01-KL/TW gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến,” “tự chuyển hóa” trong nội bộ” và các phong trào thi đua của ngành GD&ĐT, góp phần xây dựng nề nếp, kỷ cương của nhà trường ngày một tốt hơn. Nhiều đảng viên, nhất là các đồng chí giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong nhà trường thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổ chức tuyên dương, vinh danh các cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, học sinh nghèo, đồng bào dân tộc vượt khó vươn lên trong học tập.

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo UBND huyện xây dựng các kế hoạch, đề án đồng thời chỉ đạo ngành GD&ĐT chủ động triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông dựa trên kế hoạch, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Các cấp ủy, chính quyền và ngành giáo dục tập trung triển khai thực hiện đổi mới nội dung, chương trình giáo dục theo chuẩn kiến thức, kỹ năng nhằm phát huy tư duy sáng tạo, tích cực của học sinh.

Chỉ đạo tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy học phục vụ đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới cho ngành giáo dục và đào tạo đạt tiêu chuẩn theo qui định.

Chỉ đạo cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các trường TH, THCS và THPT đã thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT; đồng thời tổ chức dạy học Chương trình giáo dục phổ thông 2018 hiệu quả, đúng lộ trình đối với các lớp 1, 2, 3, lớp 6, 7 và lớp 10; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu, nội dung và đáp ứng yêu cầu đề ra. Thực hiện đổi mới phương pháp và hình thức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh, chú trọng đánh giá thường xuyên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Triển khai tốt mô hình sáng tạo gắn với hoạt động trải nghiệm các chủ đề phù hợp với địa phương.

Tổ chức rà soát đội ngũ giáo viên, triển khai thực hiện đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và có biện pháp giải quyết đối với giáo viên, cán bộ quản lý chưa đạt chuẩn; thực hiện bổ nhiệm, thi, xét thăng hạng giáo viên và xếp lương theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đúng qui định.

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo ngành giáo dục đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng, xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với chủ đề năm học, qua đó đã nâng cao trách nhiệm, đạo đức, năng lực đổi mới, sáng tạo của nhà giáo, trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; thực hiện xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực với nhiều hình thức, nội dung phong phú như: đổi mới sinh hoạt dưới cờ, lồng ghép hoạt động ngoại khóa, chủ đề, chủ điểm tạo không khí phấn khởi trong tiết sinh hoạt; nhiều trường học xây dựng mô hình trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc...

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, phòng chống tai nạn thương tích; xây dựng nếp sống văn hóa học đường, văn hóa công sở được quan tâm, duy trì tốt kỷ cương, kỷ luật hành chính, kỷ luật lao động, nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức của người cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện. Các đơn vị trường học làm tốt công tác phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; phòng, chống bạo lực học đường; tăng cường các giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho học sinh, tuyên truyền phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; hướng dẫn, kiểm soát, chấn chỉnh tình hình học sinh tham gia các trang mạng xã hội với nội dung không lành mạnh...các trường học tiếp tục phối hợp với phụ huynh học sinh cam kết thực hiện một số biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

Thực hiện đổi mới và chuẩn hóa nội dung giáo dục mầm non; đẩy mạnh việc tổ chức, tạo cơ hội cho trẻ tích cực và chủ động khám phá, trải nghiệm, sáng tạo; phát huy các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng lấy trẻ em làm trung tâm. Chất lượng giáo dục trẻ trung bình các năm tỷ lệ trẻ đạt yêu cầu trên 96%. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng được chú trọng, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định; tỷ lệ trẻ phát triển bình thường độ tuổi Nhà trẻ đạt 98,3%; Mẫu giáo đạt 96,4%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng Nhà trẻ 3,6%, Mẫu giáo 4,2% (mục tiêu đến năm 2020: trẻ suy dinh dưỡng dưới 5%).

Tích cực tổ chức cho học sinh tiểu học, THCS, THPT tham gia các sân chơi trí tuệ như: Thi Olympic Tiếng Anh trên internet (IOE), giải Toán, Vật lý qua internet, thi học sinh giỏi văn hóa lớp 9, 12; hùng biện tiếng Anh, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giao lưu học sinh tiểu học; tổ chức các giải thể thao tạo điều kiện cho học sinh rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất.

Chỉ đạo ngành Giáo dục thực hiện nghiêm túc chương trình, nội dung dạy học môn tiếng Anh theo Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020 và 2017 - 2025, Chương trình ngoại ngữ phổ thông 10 năm giai đoạn 2011 - 2020. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, soạn giảng phù hợp với yêu cầu đổi

mới về đánh giá chất lượng nhằm khuyến khích và phát huy khả năng tiếng Anh của học sinh. Thường xuyên chuẩn hóa năng lực đội ngũ giáo viên môn tiếng Anh. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới tài liệu học tập dạy ngoại ngữ; triển khai bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ về công tác sử dụng thiết bị dạy học ngoại ngữ. Từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2017 - 2018 huyện đã tổ chức giảng dạy 100% học sinh hệ 7 năm (từ lớp 3 đến lớp 9), từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023 đã có 4/13 trường TH, 6/10 trường THCS triển khai cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 9 (hệ 10 năm).

Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông ổn định, vững chắc, chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh giỏi đều được nâng cao². Chất lượng học sinh giỏi của huyện được chú trọng và đạt được kết quả cao. Từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2022 - 2023 hơn 1.200 lượt học sinh đạt các giải cao ở các Hội thi, Kỳ thi do Huyện, Sở, Bộ GD&ĐT tổ chức.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, tốt nghiệp THCS, THPT hằng năm đạt kết quả cao, trung bình 10 năm (2013 - 2022) tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, tốt nghiệp THCS đạt 99,8%, tốt nghiệp THPT đạt 95,6%. Học sinh lớp 8, lớp 11 học nghề phổ thông được cấp giấy chứng nhận nghề đạt 99%. Học sinh THPT trúng tuyển vào các trường trung cấp, cao đẳng, đại học được nâng lên qua các năm, từ năm 2013 đến năm 2022 trung bình mỗi năm tỷ lệ trúng tuyển đạt 64,6%.

Công tác huy động trẻ đến trường đạt chỉ tiêu đề ra, đến nay tỉ lệ huy động trẻ Nhà trẻ đạt 14% (năm 2013: 4,2%). Mẫu giáo đạt 76,1% (năm 2013: 74,2); có 100% trường mầm non tổ chức bán trú; huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 duy trì 100% (mục tiêu đến năm 2020: học sinh DTTS đến trường 99%), trong đó tỷ lệ học sinh tiểu học, học 2 buổi/ngày đạt 100%; huy động học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99,5% trong đó tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đến trường đạt 98,4% (mục tiêu đến 2020: học sinh DTTS đến trường bậc THCS 95%); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT tăng hằng năm, đến nay tỷ lệ huy động đạt 92,6%.

Thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh người đồng bào dân tộc, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong vùng đồng bào dân tộc. Thực hiện nghiêm các chế độ đối với trường dân tộc nội trú. Công tác xét tuyển vào trường dân tộc nội trú được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc theo quy chế. Chương trình phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của huyện phát triển

² Đối với tiểu học: Năm học 2013 - 2014, xếp loại hạnh kiểm có 99,7% hoàn thành nhiệm vụ và 96,7% xếp loại học lực từ trung bình trở lên (trong đó xếp loại Giỏi: 33,26%). Năm học 2021 - 2022, tỉ lệ học sinh đánh giá phẩm chất từ đạt trở lên chiếm 99,20%, tỉ lệ học sinh có năng lực từ đạt trở lên chiếm 99,40%.

- Đối với cấp trung học cơ sở: Năm học 2013 - 2014, xếp loại hạnh kiểm khá, tốt là 94,5% và xếp loại học lực từ trung bình trở lên đạt 90,2%; trong đó khá, giỏi 7,6%. Năm học 2021 - 2022, khối lớp 6 tỉ lệ học sinh có kết quả rèn luyện đạt từ khá trở lên đạt 96,3%, tỉ lệ học sinh có kết quả học tập từ khá trở lên chiếm 41,94%; khối lớp 7, 8, 9 tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt là 94,5%, xếp loại học lực từ trung bình trở lên đạt 94,2 %, trong đó khá, giỏi là 53,5%.

- Đối với cấp trung học phổ thông: Năm học 2013 - 2014, xếp loại hạnh kiểm khá, tốt là 91,65% và xếp loại học lực từ trung bình trở lên đạt 88,6%; trong đó khá, giỏi 42,4%. Năm học 2021 - 2022, tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt là 99,8%, xếp loại học lực từ trung bình trở lên đạt 95,1%, trong đó khá, giỏi là 55,8%.

vững chắc, duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS với 100% xã đạt chuẩn.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.

Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo thực hiện nghiêm túc việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học đối với giáo dục phổ thông, chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chú trọng trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; thực hiện Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021 đối với lớp 1 và thực hiện đảm bảo lộ trình các lớp học, cấp học.

Đổi mới công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập được ngành giáo dục triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm trung thực, khách quan, theo đúng các thông tư, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT³.

Trung tâm GDNN-GDTX huyện được quan tâm đầu tư để bảo đảm điều kiện học tập cho mọi người, nhất là đối tượng chính sách, xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động được học nghề, chuyển đổi nghề; khuyến khích học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT được quan tâm thực hiện. Tổ chức truyền thông phân luồng học sinh tại 100% xã và các trường THPT trên địa bàn huyện, với hơn 6.000 lượt phụ huynh, học sinh tham gia. Thông qua các đợt truyền thông, nhận thức của phụ huynh, học sinh về việc vừa học văn hóa vừa học nghề được nâng lên.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Huyện ủy luôn quan tâm chỉ đạo công tác quy hoạch, điều chỉnh mạng lưới trường học đảm bảo hợp lý giữa các loại hình và cấp học, phù hợp với tình hình thực tế của huyện. Năm 2013, toàn huyện có 38 cơ sở giáo dục: 09 trường mầm non, 15 trường tiểu học, 09 trường THCS, 03 trường THPT, 01 trung tâm Giáo dục

³ Bậc Tiểu học: Từ năm học 2014 - 2015, việc đánh giá, xếp loại học sinh được các nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2020 - 2021, đối với học sinh học Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được đánh giá theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Bậc THCS, THPT: Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Đối với các lớp theo mô hình Trường học mới (VNEN) học sinh được đánh giá theo Công văn số 4669/BGDĐT-GDTrH, ngày 10/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đánh giá học sinh trung học cơ sở theo mô hình trường học mới. Đến năm học 2020 - 2021, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với các khối lớp triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

thường xuyên kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, 01 trung tâm dạy nghề. Thực hiện kế hoạch sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, từ năm học 2019 - 2020 đến nay, toàn huyện có 37 cơ sở giáo dục, gồm: 10 trường mầm non, 13 trường TH, 09 THCS, 03 trường THPT, 01 trường THCS&THPT và 01 trung tâm GDNN-GDTX (giảm 02 trường TH công lập và tăng 01 trường MN tư thục).

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, tập trung chỉ đạo, thực hiện. Đến tháng 6/2018, Tổng số trường học đạt chuẩn quốc gia toàn huyện là 12/36 (Trong đó có 05 trường MN, 05 trường TH và 03 trường THCS) chiếm tỷ lệ 33,3%. Đến nay toàn huyện có 27/36 trường đạt chuẩn quốc gia (9/10 trường mầm non, 11/13 trường TH, 6/9 THCS và 1/4 trường THPT, THCS&THPT), đạt tỷ lệ 90% đối các trường MN và 69,2% các trường phổ thông (mục tiêu đến 2030: 80% đối với trường MN và 65% đối với các trường phổ thông).

Các trường phổ thông đã làm tốt công tác phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT; thực hiện nghiêm túc chương trình dạy nghề cho học sinh lớp 8, lớp 11 tỷ lệ hoàn thành chương trình học nghề đạt khá, giỏi 100%.

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng, toàn huyện có 8/8 xã đều có Trung tâm học tập cộng đồng. Trong những năm qua, Trung tâm học tập cộng đồng phối hợp với các ngành liên quan tổ chức mở các lớp bồi dưỡng kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, tư vấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật, sử dụng các nền tảng xã hội, ứng dụng CNTT....

UBND huyện ban hành Kế hoạch 95/KH-UBND, ngày 12/9/2016 về việc “Triển khai các mô hình học tập ở cơ sở giai đoạn 2016 - 2020 và thí điểm mô hình cộng đồng cấp xã năm 2016”; chỉ đạo ngành giáo dục phối hợp với Hội khuyến học - Cựu giáo chức, các cơ quan, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội để tham mưu cấp ủy, chính quyền tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” và Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”, đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị phù hợp với điều kiện của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng.

Tăng cường chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 127/2018/NĐ-CP, ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT, ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các trường mầm non, phổ thông đã thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý đối với các đơn vị trường học theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền

tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, hình thành nhiều kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân về thực trạng giáo dục trên địa bàn huyện.

Công tác quản lý dạy thêm, học thêm được giám sát chặt chẽ; công tác kiểm tra chuyên ngành, chuyên đề, đợt tập trung được quan tâm thực hiện, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tiêu cực, sai phạm trong hoạt động giáo dục. Xây dựng và triển khai đảm bảo Quy chế dân chủ trong 100% trường học, chỉ đạo các trường thực hiện công khai theo quy định.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Huyện ủy luôn quan tâm chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học ở địa phương. Ngành giáo dục và đào tạo thường xuyên củng cố, kiện toàn theo yêu cầu đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý giáo dục, đổi mới dạy học. Đến nay, toàn huyện có 1.106 cán bộ, giáo viên, nhân viên⁴.

Hàng năm, Huyện ủy chỉ đạo UBND huyện rà soát, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp hợp lý. Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục⁵. Đến nay, Có 100% CBQL có trình độ Đại học, 16,7% CBQL có trình độ cao học; có 92,5% giáo viên trình độ đạt chuẩn, 16,7% trình độ trên chuẩn (giảm so với thời điểm 2013 do yêu cầu của Luật Giáo dục 2019); trong đó có 20 cán bộ, giáo viên có trình độ thạc sĩ (năm 2013 có 02 thạc sĩ). Có trên 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ tin học từ chứng chỉ A trở lên, 100% có trình độ ngoại ngữ từ chứng chỉ A trở lên.

Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm được thực hiện kịp thời, chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định, đúng quy trình. Từ năm 2013 đến nay, đã tuyển dụng được 682 giáo viên và nhân viên (MN 190, TH 288, THCS 204), bổ nhiệm mới 21 cán bộ quản lý (HT 03, PHT 18), bổ nhiệm lại 57 CBQL (HT 30, PHT 37), luân chuyển điều động 23 CBQL (16 HT, 07 PHT).

Huyện ủy tạo mọi điều kiện, khuyến khích để cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, quản lý giáo dục... Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của ngành Giáo dục cơ bản hoàn thành tốt công việc được giao. Chỉ đạo xây dựng và triển khai tốt kế hoạch tinh giản biên chế qua 4 năm triển khai thực hiện, đến nay có 31 CBGVNV nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108.

⁴ MN 252, TH 398, THCS 286, THPT 159, Trung tâm GDNN-GDTX 11.

⁵ Từ năm 2013 đến nay, 88 cán bộ, giáo viên được hoàn thành chương trình Trung cấp lý luận chính trị, nâng tổng số lên 112 người, trong đó có 90 cán bộ quản lý có trình độ Trung cấp Lý luận chính trị, đạt 100%; 100% cán bộ quản lý có chứng chỉ Quản lý giáo dục.

Chỉ đạo Ban Tuyên giáo, Trung tâm Chính trị huyện thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng tư tưởng, chính trị cho đội ngũ nhà giáo được thực hiện vào dịp hè hàng năm⁶. Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi ở các cấp học nhằm tạo điều kiện để giáo viên thể hiện năng lực, trao đổi, học tập kinh nghiệm. Qua 10 năm đã có 1025 lượt giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi các cấp (cấp huyện 920, cấp tỉnh 104, quốc gia 01).

Các chế độ, chính sách đối với ngành giáo dục được thực hiện cơ bản đầy đủ, đúng và kịp thời, đảm bảo quyền lợi và tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý và dạy học.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo.

Chỉ đạo các trường học hàng năm xây dựng và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định. Chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được thực hiện đảm bảo, kịp thời, đúng đối tượng. Các trường khai thác sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý tài chính, tài sản trong công tác quản lý, chỉ đạo. Việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị có trọng tâm, trọng điểm nên phát huy được hiệu quả ngân sách nhà nước. Bằng các nguồn vốn trong giai đoạn 2013 - 2022 đã đầu tư xây dựng 243 phòng học, 68 phòng chức năng, các hạng mục cơ sở vật chất như nhà đa năng, sân bóng đá, bể bơi, tường rào, sân trường, nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị dạy học. Riêng ngân sách của huyện đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị dạy học hơn 49 tỉ đồng.

8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý.

Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là khoa học giáo dục và khoa học quản lý được quan tâm thực hiện; nhiều đề tài sáng kiến cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng và có giá trị thực tiễn tích cực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, trong đó có 12 đề tài, sáng kiến kinh nghiệm được Hội đồng xét duyệt sáng kiến tỉnh công nhận.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy ngành giáo dục và đào tạo chỉ đạo các trường đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh. Tổ chức các hội thi phát triển năng lực học sinh như nghiên cứu khoa học kỹ thuật, Sáng tạo trẻ đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh.

Mười năm qua, nhất là trong 05 năm 2019-2023, ngành giáo dục và đào tạo đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và dạy học, đáp ứng nguồn nhân lực trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

⁶ Mỗi năm, vào dịp hè Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Tuyên giáo, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị bồi dưỡng chính trị hè cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên về những nội dung cơ bản, quan điểm của Đảng trong các kết luận, nghị quyết được thông qua tại các Hội nghị BCH TW khóa XI, XII, XIII; những vấn đề mới cần quan tâm trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, của địa phương; chuyên môn nghiệp vụ hàng năm theo kế hoạch của ngành giáo dục và đào tạo

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Trong những 2010 đến 2016, Giáo dục Đam Rông được thụ hưởng các hỗ trợ của Chương trình SEQAP, chương trình học bổng CCT dành cho học sinh THCS có hoàn cảnh khó khăn. Các dự án đều thực hiện đúng các qui định, quy chế của Nhà nước; đã quản lý, sử dụng có hiệu quả các công trình được đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí về tập huấn, hỗ trợ học sinh,...

II. Một số mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Huyện ủy tăng cường chỉ đạo ngành Giáo dục triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học hướng tới mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất người học như: Chương trình giáo dục mầm non mới, phương pháp Bàn tay nặn bột, Mỹ thuật mới, mô hình trường học mới VNEN, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn và học trực tuyến trên trang mạng “Trường học kết nối”, xây dựng “Nguồn học liệu mở”... một số mô hình sáng tạo như “trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc” trường MN Phi Liên, TH Đa K’Nàng, “trường học xanh - sạch - đẹp - thân thiện” trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông, Câu lạc bộ học thuật, Câu lạc bộ thể dục thể thao trường THCS Phi Liên...

III. Khó khăn, hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, chất lượng, hiệu quả GD&ĐT của huyện Đam Rông từng bước được nâng lên cả về qui mô trường lớp, cơ sở vật chất, cho đến đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh. Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng thường xuyên, vững vàng tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; đội ngũ giáo viên mẫu mực, tận tụy, yêu nghề; chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học đạt kết quả năm sau cao hơn năm trước; các phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; giáo dục nghề nghiệp được đẩy mạnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị địa phương ngày càng vững mạnh. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW tại địa phương còn một số khó khăn, hạn chế như sau:

- Việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học chưa kịp thời do vướng cơ chế đấu thầu, đầu tư mua sắm tập trung.

- Về đội ngũ giáo viên, vẫn còn tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên ở các trường học; giáo viên dạy học các môn mới như: Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí dù đã có tập huấn, bồi dưỡng nhưng chưa đảm bảo để đảm nhận dạy học bộ môn vốn được tích hợp từ nhiều môn học trước đây.

- Khoảng cách giữa các trường trên địa bàn khá xa nên khó khăn trong việc xây dựng phương án sáp nhập. Bên cạnh đó, với đặc thù học sinh đa số là con em đồng bào dân tộc thiểu số, khả năng tư duy của một số em còn chậm, việc tiếp thu phương pháp dạy học phát triển phẩm chất năng lực còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách liên quan đến giáo dục và đào tạo trong đó có Nghị quyết số 29-NQ/TW có nơi, có lúc triển khai chưa sâu rộng và thiếu thường xuyên. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm đến công tác đổi mới giáo dục và đào tạo; coi đây là nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục. Một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa nhận thức đầy đủ về đổi mới phương pháp quản lý dạy và học. Cơ sở vật chất mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, nhiều trường chưa có khối hiệu bộ, phòng học bộ môn, phòng chức năng, thiếu phòng học để tổ chức học 2 buổi/ngày.

- Chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các vùng, đặc biệt 03 xã Đạ Long, Đạ Tông và Đạ M'Rông, công tác hướng nghiệp phân luồng học sinh sau trung học, nhất là trung học cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; vẫn còn học sinh bỏ học, nghỉ học; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh; Cơ cấu đội ngũ giáo viên một số trường chưa hợp lý, chất lượng giảng dạy chưa cao. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa trong giáo dục và đào tạo còn nhiều hạn chế, khó khăn.

2. Nguyên nhân

Một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chưa quán triệt đầy đủ chủ trương, đường lối về phát triển giáo dục nên trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện còn thiếu quyết liệt, thiếu giải pháp cụ thể.

Điều kiện kinh tế của huyện khó khăn, đời sống Nhân dân còn thấp; công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đổi mới trong khi nhu cầu học tập của nhân dân và đòi hỏi nâng cao chất lượng giáo dục ngày càng cao.

IV. Một số bài học kinh nghiệm

Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở trong việc hoạch định các chính sách, chủ trương đúng đắn, phù hợp; sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành, tổ chức chính trị-xã hội; nơi nào có sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện phát huy tốt thì ở đó sự nghiệp giáo dục đạt được chất lượng, kết quả cao.

Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động để các cấp, các ngành và Nhân dân hiểu rõ vị trí, vai trò, sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Ngành GD&ĐT cần phải làm tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp cần tích cực, năng động, chủ động tham mưu kịp thời với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và các giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Xây dựng khối đoàn kết, thống nhất cao trong nội bộ cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục. Tăng cường kiểm tra, giám sát, bám sát thực tiễn để kịp thời đề ra những chủ trương, giải pháp phù hợp nhằm “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục” đạt được kết quả, mục tiêu.

PHẦN THỨ BA

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

I. Dự báo tình hình

1. Thời cơ, thuận lợi

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Huyện ủy Đam Rông; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục và đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số là những định hướng quan trọng, là điều kiện, yêu cầu và là nguồn lực để Đam Rông tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo được nâng cao nhận thức, được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, rèn luyện về phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ theo mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Chất lượng giáo dục tiếp tục ổn định, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, nội dung, phương pháp giảng dạy ở các cơ sở giáo dục tiếp tục được duy trì cùng với phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học” được duy trì và phát triển trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế-xã hội, tình hình an ninh và trật tự xã hội ổn định; mức sống của nhân dân ngày càng cao, nhân dân có điều kiện và nhu cầu đầu tư vào việc học của con em nhiều hơn. Các cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng, nhân dân quan tâm và nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo nên sẵn sàng hỗ trợ cho sự nghiệp giáo dục phát triển.

2. Khó khăn, thách thức

Kinh tế của huyện phát triển nhưng chậm, đời sống của người dân nhất là đồng bào dân tộc còn khó khăn và nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng nói chung cho giáo dục nói riêng chưa nhiều sẽ là những khó khăn nhất định ảnh hưởng đến việc đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học so với sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay.

II. Phương hướng

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết, tạo sự nhất quán về nhận thức và hành động từ việc đề ra chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp đến kiểm tra kết quả thực hiện. Phát huy thành quả đạt được, tập trung đổi mới những khâu yếu, những mặt còn hạn chế.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn về trình độ, có phẩm chất, đạo đức tốt.

3. Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tốt các điều kiện dạy và học, đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục ở các cấp học, xây dựng xã hội học tập.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện gắn với đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, coi trọng giáo dục truyền thống, ý thức chấp hành pháp luật nhằm bồi dưỡng cho học sinh phát triển toàn diện, đáp ứng xu thế hội nhập, phát triển của đất nước.

5. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh quy mô lớp học khoa học, hợp lý; thu gọn các điểm trường theo nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương; đẩy mạnh xã hội hóa.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành và tổ chức chính trị xã hội đối với giáo dục.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với giáo dục; ưu tiên ngân sách nhà nước dành cho giáo dục phổ cập. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến từng chi bộ, tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên. Phòng GD&ĐT, các đơn vị trường học đưa các nội dung Nghị quyết vào kế hoạch, nhiệm vụ hàng năm bảo đảm sát hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngành Giáo dục phải năng động chọn đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng là giải pháp đột phá, để thông qua đó điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp hơn. Khắc phục căn bản các hạn chế, bất cập gây bức xúc xã hội. Giải pháp này không cần nhiều nguồn lực nhưng tháo gỡ được những nút thắt, rào cản đổi mới giáo dục hiện nay.

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý trong giáo dục và quản trị nhà trường, coi trọng quản lý chất lượng, hiệu quả quản trị nhà trường, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản trị nhân sự và tài chính; hoàn thiện cơ chế đề cơ quan quản lý giáo dục được tham gia quyết định trong quản lý nhân sự và phân bổ, sử dụng nguồn tài chính dành cho giáo dục của địa phương.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, ủy quyền, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và các địa phương.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, quản trị nhà trường. Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý - quản trị giáo dục trực tuyến trong việc bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong Kế hoạch số 49-KH/TU, ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị giáo dục công lập”.

Quan tâm chỉ đạo xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục là nhân tố quyết định thành công sự nghiệp đổi mới giáo dục. Đảm bảo từng bước có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non và phổ thông, dạy học 2 buổi/ngày, giáo viên dạy ngoại ngữ, giáo viên tư vấn học đường và hướng nghiệp, giáo viên giáo dục đặc biệt và giáo viên giáo dục thường xuyên.

Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

3. Tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp

Tăng cường chỉ đạo việc rà soát, quy hoạch, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bảo đảm nguyên tắc tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông; khắc phục tình trạng nhiều điểm trường lẻ, trường học có quy mô nhỏ, chất lượng giáo dục chưa cao để tập trung đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

Tăng cường đầu tư tài chính và quỹ đất để bảo đảm đủ trường, lớp cho học sinh học hai buổi/ngày, trước hết tập trung cho giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học; bảo đảm đủ các phòng chức năng, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch.

Khuyến khích phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những nơi có điều kiện; rà soát các cơ sở giáo dục mầm non độc lập, bảo đảm thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động và tiêu chuẩn đội ngũ, cơ sở vật chất tối thiểu để bảo đảm chất lượng giáo dục.

Tập trung bố trí kinh phí thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

4. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong giáo dục

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành từ giáo dục mầm non đến phổ thông bảo đảm 100% các cơ sở giáo dục cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác, kết nối liên thông với nền tảng số quốc gia; khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; các phần mềm quản lý, dạy và học trong nhà trường.

Phát triển tài nguyên số và môi trường học tập số, bổ sung vào kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung trong toàn ngành, kho bài giảng e-learning kết nối với Hệ tri thức Việt số hóa. Đẩy mạnh kỹ năng dạy học trực tuyến, kỹ năng chuyển đổi số và kỹ năng tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến đối với giáo viên và học sinh.

5. Tăng cường công tác truyền thông

Tăng cường đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, tạo sự

chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận cao của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới và tự chủ đại học, trước hết là quán triệt sâu sắc trong nội bộ ngành giáo dục.

Kịp thời truyền thông kết quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để tạo niềm tin vào đổi mới; những yêu cầu mới đặt ra đối với đổi mới giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, làm rõ những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện; đồng thời có các biện pháp kiểm soát kịp thời các thông tin sai lệch, có tác động tiêu cực đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Phòng GD&ĐT huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K'Hương



PHỤ LỤC 1
MỘT SỐ VĂN BẢN BAN HÀNH CỤ THỂ HÓA NGHỊ QUYẾT 29-NQ/TW
GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH	TÊN ĐẦY ĐỦ CỦA VĂN BẢN	NGÀY CÓ HIỆU LỰC
1	Huyện ủy Đam Rông	Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá XI) “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”	16/4/2014
2	UBND huyện	Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 28/6/2014 về việc thực hiện Chương trình hành động số 71-CTr/HU, ngày 16/4/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy	28/6/2014
3	UBND huyện	Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 03/4/2018 về việc xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2018 - 2020	04/03/2018
4	UBND huyện	Kế hoạch số 82/KH-UBND, ngày 27/5/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	27/5/2018
5	UBND huyện	Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 28/9/2018 về triển khai Kế hoạch số 66-KH/HU ngày 03/8/2018 của Huyện ủy Đam Rông về việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 – 2020 và những năm tiếp theo	28/9/2018

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH	TÊN ĐẦY ĐỦ CỦA VĂN BẢN	NGÀY CÓ HIỆU LỰC
6	UBND huyện	Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đam Rông về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	08/12/2019
7	UBND huyện	Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 28/5/2021 về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030	28/5/2021
8	UBND huyện	Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 01/11/2021 về việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Đam Rông	11/01/2021
9	UBND huyện	Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 14/10/2021 về Triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn huyện Đam Rông	
10	UBND huyện	Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 về việc ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Đam Rông giai đoạn 2021 – 2025	17/6/2021
11	UBND huyện	Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 12/3/2023 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn huyện Đam Rông năm 2023	03/12/2023



PHỤ LỤC 2

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	2594	1337	9	-	99	36	144	141
2014	2541	1296	9	-	96	36	142	142
2015	2758	1403	9	-	99	39	152	152
2016	2965	1527	9	-	103	39	156	156
2017	3270	1597	9	-	100	48	160	160
2018	3364	1610	9	-	95	56	170	170
2019	3415	1735	9	-	99	62	191	191
2020	3459	1746	10	1	10	63	199	173
2021	3576	1828	10	1	105	66	203	182
2022	3664	1921	10	1	105	67	204	186

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học MN; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường MN; (4) Số trường MN ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học MN; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên MN; (8). Số giáo viên MN đạt chuẩn.



PHỤ LỤC 3

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	5233	3625	15	-	194	127	293	293
2014	5473	3649	15	-	200	133	308	308
2015	5709	3590	15	-	205	138	314	314
2016	5729	3559	15	-	203	134	319	319
2017	5783	3518	15	-	232	146	317	317
2018	6230	3758	15	-	241	160	334	334
2019	6338	3818	14(*)	-	259	180	338	338
2020	6494	3970	14(*)	-	261	188	340	227
2021	6642	4051	14(*)	-	277	202	330	262
2022	7020	4358	14(*)	-	279	206	335	304

Ghi chú: (*): Do sáp nhập trường (1). Tổng số học sinh theo học TH; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường TH; (4) Số trường TH ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học TH; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên TH; (8). Số giáo viên TH đạt chuẩn.



PHỤ LỤC 4

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	3686	2443	9	-	102	90	263	263
2014	3850	2568	10	-	118	106	257	257
2015	3766	2503	10	-	118	106	266	266
2016	3863	2556	10	-	117	105	269	269
2017	3844	2557	10	-	114	109	271	271
2018	3900	2502	10	-	114	109	272	272
2019	3993	2510	10	-	111	106	274	274
2020	4032	2394	10	-	119	114	285	226
2021	3953	2368	9(*)	-	119	114	265	234
2022	4068	2441	9(*)	-	115	112	259	241

Ghi chú: (*): Do sáp nhập trường; (1). Tổng số học sinh theo học THCS; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THCS; (4) Số trường THCS ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THCS; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THCS; (8). Số giáo viên THCS đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 5

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	1350	912	3	-	52	52	86	86
2014	1441	851	3	-	52	52	94	94
2015	1517	902	3	-	52	52	100	100
2016	1588	1028	3	-	54	54	105	105
2017	1567	966	3	-	54	54	105	105
2018	1595	935	3	-	54	54	108	108
2019	1584	871	3	-	54	54	109	109
2020	1480	802	3	-	60	60	101	101
2021	1548	778	4(*)	-	56	56	109	109
2022	1687	815	4(*)	-	56	56	103	103

Ghi chú: (*): Trong đó có 01 trường THCS&THPT; (1). Tổng số học sinh theo học THPT; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THPT; (4) Số trường THPT ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THPT; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THPT; (8). Số giáo viên THPT đạt chuẩn.



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PHỤ LỤC 6

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	-	-	-	-	-	-	-	-
2014	-	-	-	-	-	-	-	-
2015	-	-	-	-	-	-	5	5
2016	-	-	-	-	-	-	4	4
2017	-	-	-	-	-	-	4	4
2018	-	-	-	-	-	-	5	5
2019	19	19	-	-	-	-	5	5
2020	-	-	-	-	-	-	4	4
2021	-	-	-	-	-	-	4	4
2022	-	-	-	-	-	-	4	4

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh học nghề; (2). Số sinh viên theo học nghề sau tốt nghiệp THCS; (3). Tổng số cơ sở GDNN; (4) Số cơ sở GDNN ngoài công lập; (5). Số cơ sở đào tạo cơ, trung cấp; (6). Số đào tạo cao đẳng; (7). Tổng số nhà giáo GDNN; (8). Số nhà giáo GDNN đạt chuẩn.



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PHỤ LỤC 8

MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	TIẾP CẬN VÀ CÔNG BẰNG GIÁO DỤC					CHỈ SỐ VỀ NGUỒN NHÂN LỰC			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2013	80	99,6	5,6	0,2	40	25,6	21,6	-	-
2014	79,6	99,7	5,2	0,3	40	27,8	22,3	-	-
2015	79,2	99,5	2,0	0,3	40	29,7	23,5	-	-
2016	80,36	99,2	2,2	0,3	50	30,2	20,8	-	-
2017	80,1	99,6	1,9	0,3	50	31,9	26,3	-	-
2018	79,4	100	2,1	0,2	50	31,6	26,5	-	-
2019	78,8	99,5	1,8	0,2	50	32,4	27,2	-	-
2020	80,12	99,8	2,0	0,2	50	32,8	27,6	-	-
2021	80,2	100	1,8	0,2	50	33,2	26,8	-	-
2022	78,2	100	1,6	0,2	50	33,4	27,4	-	-

Ghi chú: (1). Tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; (2). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; (3). Tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS; (4) Tỷ lệ học sinh theo học nghề sau THCS; (5). Số sinh viên/vạn dân; (6). Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ; (8). Chỉ số nguồn nhân lực (HCI); (9) Chỉ số phát triển con người (HDI).



ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

PHỤ LỤC 9

CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

STT	Tên chương trình, kế hoạch, dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (tỉ đồng)	Kinh phí xã hội hóa (tỉ đồng)	Kết quả
1	Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 28/5/2021 về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	2021-2025	5,044	0	
2	Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 01/11/2021 về việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Đam Rông	2021-2025	85	0,22	
Tổng kinh phí thực hiện:			90,044	0,22	